

Số: 88/BC-MNĐC

An Dương, ngày 12 tháng 07 năm 2023

## BÁO CÁO

### Việc thực hiện thu và sử dụng các khoản thu năm học 2022-2023

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND); Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng về việc thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Liên Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), Sở Tài chính (STC) về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải; Công văn số 1890/UBND-GD&ĐT ngày 13/10/2022 của UBND huyện An Dương về việc thực hiện các khoản thu-chi năm học 2022-2023 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện;

Trường Mầm non Đặng Cương báo cáo việc thực hiện thu và sử dụng các khoản thu năm học 2022-2023 như sau:

#### I/ HỒ SƠ, THỦ TỤC:

##### 1. Kế hoạch thu - chi các khoản năm học 2022-2023:

1.1. **Kế hoạch:** Số 21/KH-MNĐC ngày 21/10/2022 của trường Mầm non Đặng Cương về việc thực hiện các thu - chi các khoản năm học 2022-2023

1.2. **Nội dung thu** (các trường liệt kê các khoản thu theo Kế hoạch của từng trường đã xây dựng từ đầu năm học):

##### 1.2.1. Học phí (đối với cấp học mầm non và THCS):

Theo Nghị quyết số 54/2029 ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ học phí từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1.2.2. **Tiền ăn** (đối với các trường có tổ chức ăn bán trú): Từ T8 đến T9/2022 thu theo mức: 20.000đ/1HS/1 ngày, từ tháng 10/2022 đến tháng 5/2023 thu theo mức 27.000đ/1HS/1 ngày (Cả chất đốt)

- Hình thức thu (theo tháng, kỳ, năm): Thu theo tháng

1.2.3. Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (đối với các trường có tổ chức ăn bán trú):

- Mức thu: 200.000đ/1 cháu/1 năm đối với cháu cũ; 360.000đ/1 cháu/1 năm đối với cháu mới đi học lần đầu

- Hình thức thu (theo tháng, kỳ, năm): Thu theo năm

1.2.4. Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa; công tác quản lý (đối với các trường có tổ chức chăm sóc bán trú):

- Mức thu: 150.000đ/1 cháu/1 tháng

- Hình thức thu (theo tháng, kỳ, năm): thu theo tháng

1.2.5. Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (đối với các trường mầm non, tiểu học)

- Mức thu: 10.000đ/q trẻ/1 ngày

- Hình thức thu (theo tháng, kỳ, năm): thu theo tháng

1.2.16. Kinh phí Ban đại diện cha mẹ học sinh:

- Nội dung thu - chi kinh phí Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thu theo sự đóng góp tự nguyện của PHHS

- Hình thức thu: Theo kỳ

1.2.17. Các khoản thu hộ, chi hộ (bảo hiểm y tế, số liên lạc điện tử, đồng phục, sách giáo khoa, bảo hiểm toàn diện... các trường ghi cụ thể từng khoản thu):

\*) Bảo hiểm toàn diện

- Mức thu: 100.000đ/1HS/1 năm

- Hình thức thu (theo tháng, kỳ, năm): thu theo năm

**2. Biên bản họp các cấp thông qua kế hoạch thu - chi các khoản năm học 2022-2023:**

- Biên bản họp Cấp ủy chi bộ, Ban giám hiệu: 15 giờ 0 phút ngày 06/10/2022

- Biên bản họp Chi bộ: 17 giờ 10 phút ngày 06/10/2022

- Biên bản họp Hội đồng trường: 17 giờ 10 phút ngày 11/10/2022,

- Biên bản họp ban đại diện cha mẹ học sinh: 15 giờ 0 phút ngày 11/10/2022,

- Biên bản họp phụ huynh học sinh các lớp: 16 giờ....phút ngày 13, 14/10/2022

**3. Hồ sơ công khai:**

Biên bản niêm yết công khai kế hoạch về việc thực hiện các khoản thu năm học 2022 - 2023 ngày 21/10/2022;

Biên bản kết thúc và biên bản xác nhận kết thúc niêm yết công khai kế hoạch về việc thực hiện các khoản thu năm học 2022 - 2023 ngày 21 tháng 11 năm 2022

Thủ tục và quy trình: Hợp hội đồng sư phạm phổ biến nội dung công khai, phân công nhiệm vụ trong công tác công khai, thông báo thời gian triển khai công khai. Tiến hành công khai, có biên bản về việc niêm yết công khai, biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai, biên bản về việc xác nhận kết quả niêm yết công khai.

Thời gian diễn ra niêm yết công khai là 30 ngày.

## II/ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2022-2023 (tính đến hết thời điểm tháng 07/2023):

### 1. Học phí:

\*) Mức hỗ trợ: 85.000đ/1HS/1 tháng/ trẻ mẫu giáo  
92.000đ/1HS/1 tháng/trẻ nhà trẻ.

\*) Số lượng học sinh được hỗ trợ:

+ Tháng 9/2022 = 450HS	+ Tháng 10/2022 = 454HS
+ Tháng 11/2022 = 457HS	+ Tháng 12/2022 = 472HS
+ Tháng 01/2023 = 438HS	+ Tháng 02/2023 = 484HS
+ Tháng 3/2023 = 492HS	+ Tháng 4/2023 = 490HS
+ Tháng 5/2023 = 493HS	

Trong đó số học sinh được miễn, giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

+ Miễn = 01HS                      + Giảm = 06HS

\*) Danh sách học sinh được hỗ trợ: có  không

\*) Dư đầu kỳ = 113.941.265đ

\*) Tổng số tiền được hỗ trợ theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND = 361.655.500đ

\*) Tổng số tiền được miễn, giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP = 2.890.000đ

\*) Tổng chi = 286.775.830đ. Trong đó:

- Chi mua giá góc cho lớp 5A5 = 40.480.000đ
- Chi mua cây tuyên truyền 10 cánh bằng Inox = 26.500.000đ
- Chi mua rèm cho các lớp dãy nhà mới = 40.969.800đ
- Chi mua HS kiểm tra nội bộ = 403.500đ
- Chi mua sách, truyện cho các cháu = 9.283.000đ
- Chi mua tài liệu cho GV = 13.851.000đ
- Chi hỗ trợ lương cô nuôi = 24.804.030đ
- Chi mua loa mic cho các cháu = 22.310.000đ
- Chi tiền tặng thêm cho VC từ T1- T6/22 = 108.174.500đ

\*) Tồn = 191.710.935đ

**2. Tiền ăn bán trú (đối với các trường có tổ chức ăn bán trú):** Từ T8 đến T9 thu theo mức: 20.000đ/1HS/1 ngày, từ tháng 10/2022 đến tháng 5/2023 thu theo mức 27.000đ/1HS/1 ngày (Cả chất đốt)

\*) Mức thu: 27.000đ/1HS/1 ngày.

\*) Phiếu thu: có  không

\*) Số lượng học sinh:

+ Tháng 9/2022 = 450HS	+ Tháng 10/2022 = 454HS
+ Tháng 11/2022 = 457HS	+ Tháng 12/2022 = 472HS
+ Tháng 01/2023 = 438HS	+ Tháng 02/2023 = 484HS
+ Tháng 3/2023 = 492HS	+ Tháng 4/2023 = 490HS
+ Tháng 5/2023 = 493HS	

Dư của tiền ăn, chất đốt, tiền điện mang sang: **38.601.289đ** (27.600.000 tiền ăn; 11.233.722 chất đốt; -232.433 tiền điện, nước)

\*) Tổng thu = 2.156.648.000đ.

\*) Tổng chi = 2.195.249.289. Trong đó:

- Chi mua thực phẩm cho các cháu = 1.859.033.000đ

- Chi mua chất đốt cho các cháu = 183.788.593đ

- Chi tiền điện, nước cho các cháu = 152.428.696 đ.

\*) Tồn = 0đ

**3. Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú (đối với các trường có tổ chức ăn bán trú):**

\*) Mức thu: 200.000đ/1 cháu/1 năm đối với cháu cũ; 360.000đ/1 cháu/1 năm đối với cháu mới đi học lần đầu

\*) Phiếu thu: có  không

\*) Số lượng học sinh: 485HS. Trong đó:

- Học sinh tuyển mới hoặc trang bị lần đầu: 168HS (có 1 số cháu sang kỳ II mới nhập học lên không thu đủ 360.000đ)

- Học sinh cũ: 317HS

\*) Tổng thu = 129.834.000đ.

\*) Tổng chi = 125.515.208đ. Trong đó:

- Chi mua tủ ca cốc cho lớp 5A5 = 30.100.000đ

- Chi mua phân ngũ cho các lớp = 19.327.268đ

- Chi mua tủ đựng chăn chiếu cho các lớp = 12.760.000đ

- Chi mua đồ dùng vệ sinh cho các lớp (Khăn mặt, cây lau nhà, chổi, xà phòng, xô, chậu rửa bát, thìa...): 20.107.000đ

- Chi mua đồ dùng vệ sinh cho các lớp (Nước lau sàn, tẩy vệ sinh, gang tay, nước rửa bát, nước giặt...): 24.477.000đ

- Chi mua đồ dùng vệ sinh (Bỏ sung chiếu, xô, chậu, nồi chia ăn, ấm, ca...): 18.743.940đ

\*) Tồn = 4.318.792đ

**4. Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý (đối với các trường có tổ chức chăm sóc bán trú):**

\*) Mức thu: 150.000đ/1HS/1 tháng.

\*) Phiếu thu: có  không

\*) Số lượng học sinh:

+ Tháng 9/2022 = 450HS	+ Tháng 10/2022 = 454HS
+ Tháng 11/2022 = 457HS	+ Tháng 12/2022 = 472HS
+ Tháng 01/2023 = 438HS	+ Tháng 02/2023 = 484HS
+ Tháng 3/2023 = 492HS	+ Tháng 4/2023 = 490HS
+ Tháng 5/2023 = 493HS	

Dư đầu kỳ: 26.132.770đ

\*) Tổng thu = 650.930.000đ.

\*) Tổng chi = 675.413.400đ. Trong đó:

- Chi hỗ trợ người nấu ăn (Lương và bảo hiểm) = 675.413.400đ

\*) Tồn = 1.649.370đ.

**5. Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (đối với cấp học mầm non, tiểu học)**

\*) Mức thu: 10.000đ/1HS/1 ngày.

\*) Phiếu thu: có  không

\*) Số lượng học sinh:

+ Tháng 9/2022 = 450HS	+ Tháng 10/2022 = 454HS
+ Tháng 11/2022 = 457HS	+ Tháng 12/2022 = 472HS
+ Tháng 01/2023 = 438HS	+ Tháng 02/2023 = 484HS
+ Tháng 3/2023 = 492HS	+ Tháng 4/2023 = 490HS
+ Tháng 5/2023 = 493HS	

Dư đầu kỳ: 4.412.258đ

\*) Tổng thu = 787.130.000đ.

\*) Tổng chi = 778.809.500đ. Trong đó:

- Chi cho cán bộ, GV trực tiếp trông trưa = 763.539.500đ

- Chi nộp thuế 2% = 15.270.000đ

\*) Tồn = 12.732.758đ.

## 6. Kinh phí Ban đại diện cha mẹ học sinh:

- Huy động bằng tiền mặt: 69.300.000đ

\*) Tổng chi = 69.300.000đ. Trong đó:

- Chi mua bánh, kẹo, thuê bạt dù, âm thanh, mua quà cho các cháu ngày lễ, ngày tết = 37.450.000đ

- Chi hoạt động trải nghiệm cho các cháu 4, 5 tuổi = 2.500.000đ

- Chi tặng quà cho các cháu khó khăn ngày lễ, tết = 3.580.000đ

- Chi thưởng bé giỏi, bé ngoan cho các cháu cuối năm học = 21.008.000đ

- Chi thăm hỏi các cháu ốm nằm viện = 2.000.000đ

- Chi tặng quà chia tay cho các cháu 5 tuổi = 2.762.000đ

7. Các khoản thu hộ, chi hộ (ghi cụ thể đối với từng loại: bảo hiểm y tế, sổ liên lạc điện tử, đồng phục, sách giáo khoa (đối với các trường tiểu học, THCS), nguyên học liệu (đối với các trường mầm non), bảo hiểm toàn diện...):

\*) **Bảo hiểm toàn diện:**

\*) Mức thu: 100.000đ/1HS/1 năm.

\*) Phiếu thu: có  không

\*) Số lượng học sinh đăng ký: 392 học sinh

\*) Tổng thu = 39.200.000đ.

\*) Tổng chi = 39.200.000đ. Mua bảo hiểm toàn diện cho 392 HS = 39.200.000đ

\*) Tồn = 0đ.

## III. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN:

### 1. Thuận lợi

Năm học 2022 - 2023 các cấp đã có văn bản kịp thời để cho nhà trường thực hiện các khoản thu theo đúng quy định

Nhà trường nhận được sự quan tâm ủng hộ của phụ huynh học sinh cả về vật chất và tinh thần, đóng góp đúng, đầy đủ các khoản theo quy định

Khoản hỗ trợ học phí theo NQ54 và miễn giảm theo NĐ81 được cấp kịp thời đúng thời gian.

### 2. Khó khăn

Năm học 2022-2023 thực hiện Nghị Quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng các cơ sở giáo dục mầm non không có khoản thu hỗ trợ tiền điện nước trong khi đó nhu cầu sử dụng điện nước của các cháu rất cao (để đảm bảo sức khỏe cho trẻ cần sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh), nên rất khó khăn về kinh phí cho việc chi cho hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Phòng giáo dục tham mưu với các cấp có thẩm quyền quan tâm hỗ trợ trường một số thiết bị đồ dùng hiện đại: Màn hình tương tác. Nâng cấp đường truyền mạng.

- Kính đề nghị Phòng tài chính huyện Quan tâm cấp bổ sung kinh phí cho nhà trường chi trả tiền điện, nước.

- Kính đề nghị hội đồng nhân dân thành phố bổ sung vào nghị quyết khoản thu hỗ trợ điện nước cho các trường mầm non ( khi sử dụng điều hòa, bình nóng lạnh)

Trên đây là báo cáo việc thực hiện thu và sử dụng các khoản thu năm học 2022-2023 của trường mầm non Đặng Cương

#### **Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Lưu VT.

